TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HỒNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13/5/2024
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HỒNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Xuân Dậu.
Ông Đặng Quang Hoạch.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Ông Lê Đình Đạo – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 172/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/3/2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25/4/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1979.
HKTT: Ấp H, xã H, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
Liên lạc: Khu phố 3, phường H, thị xã Đ, tỉnh P.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1980.
HKTT và cư trú: Ấp H, xã H, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
(các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau nên đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai vào năm 2011.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến thời gian gần đây thì bắt đầu vợ chồng phát sinh mâu thuẫn kéo dài hơn một năm, anh H không quan tâm

gia đình, không phụ chị tiền nuôi con và còn đánh đập chị, chị đã cố gắng hàn gắn nhưng anh H vẫn không thay đổi nên chị đã sống riêng từ tháng 9/2023 cho đến nay, hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Có hai con chung là cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 16/6/2010 và cháu Nguyễn Thu T, sinh ngày 28/01/2015. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 08/4/2024, chị có đơn xin xét xử vắng mặt.

- ***Bị đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt nên không có trình bày.***

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thủ tục Hồng giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của chị H là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho chị được ly hôn với anh H. Về con chung: Giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung đương sự trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Chị H phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn Thị Thu H nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1980, HKTT và cư trú: Ấp H, xã H, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp của vụ án là *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Chị H nộp đơn đúng trình tự thủ tục nên được thụ lý, giải quyết.

Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

3.1 - Về quan hệ hôn nhân:

Chị H và anh H tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn, được UBND xã H, huyện Trảng Bom cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 32 ngày 14/6/2011 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh H, hiện nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, hôn nhân không hạnh phúc và đã sống riêng được từ năm 2019, đồng thời quá trình giải quyết vụ án đã nhiều lần triệu tập anh H để làm việc, hòa giải, hàn gắn nhưng anh H vắng mặt không có lý do, thể hiện việc anh không có thiện chí hòa giải, đoàn tụ. Từ những căn cứ trên, xét mâu thuẫn giữa anh H với chị H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu ly hôn với anh H là có cơ sở chấp nhận và phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2 - Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 16/6/2010 và cháu Nguyễn Thu T, sinh ngày 28/01/2015. Ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi hai cháu, tạm thời không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Xét thấy: Chị H có công việc ổn định, hiện nay đang sống cùng các cháu và hai cháu có nguyện vọng được sống cùng chị H; hơn nữa anh H vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, nên để đảm bảo các cháu có cuộc sống ổn định Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị H, tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

3.3 - Tài sản chung: Chị H trình bày tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị H trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 220, 228, 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* với anh Nguyễn Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 16/6/2010 và cháu Nguyễn Thu T, sinh ngày 28/01/2015 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; tạm thời anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn H được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006651 ngày 04/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Chị Nguyễn Thị Thu H đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAT, THA,VKS;
- Đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương